

Số: /TB-THPTCL

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai danh sách cá nhân được nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên quý 1 năm 2026 của Trường THPT Cẩm Lệ

Thực hiện Công văn số 1426/SGDDĐT-TCCB ngày 02/10/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo TP Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện công tác nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo đối với viên chức, người lao động;

Trường trung học phổ thông Cẩm Lệ thực hiện thông báo công khai danh sách cá nhân được nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên quý 1 năm 2026 như sau:

1. Công khai danh sách cá nhân được thủ trưởng đơn vị quyết định nâng bậc lương thường xuyên và và phụ cấp quý 1 năm 2026 (Chi tiết theo phụ lục I đính kèm)

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại trụ sở Trường THPT Cẩm Lệ, 02 Nguyễn Thế Lịch, Phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
- Công khai trên website của nhà trường.

3. Thời gian công khai:

Từ ngày 12/3/2026 đến ngày 10/4/2026 (30 ngày)

4. Tổ chức thực hiện

- Thông qua tới 100% cán bộ, giáo viên trong Hội đồng nhà trường.
- Thực hiện niêm yết công khai danh sách cá nhân được thủ trưởng đơn vị quyết định nâng bậc lương thường xuyên và và phụ cấp quý 1 năm 2026 của Trường THPT Cẩm Lệ.
- Niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị biết.

Trên đây là Thông báo công khai danh sách cá nhân được nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên quý 1 năm 2026 của Trường trung học phổ thông Cẩm Lệ ./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT&TP ĐN;
- Niêm yết công khai, website trường;
- Lưu:VT, KT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Huệ

Mẫu 6- Phụ lục danh sách cá nhân được thủ trưởng đơn vị quyết định nâng bậc lương và phụ cấp

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

QUYẾT ĐỊNH NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN VÀ PHỤ CẤP QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-THPTCL ngày tháng 3 năm 2026 của Trường THPT Cẩm Lệ)

I. Danh sách được nâng bậc lương thường xuyên

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trước khi nâng						Sau khi nâng			Số, ký hiệu Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Ghi chú
			Tên CDNN	Mã CDNN	Bậc	Hệ số	Thời điểm hưởng cũ	Thời gian được tính để xét nâng lần sau (ghi theo QĐ hiện hưởng)	Bậc	Hệ số	Kể từ			
1	Phan Thảo My	1982	GV THPT hạng II	V.07.05.14	2	4,34	01/05/2025	01/01/2023	3	4,68	01/01/2026	156/QĐ-THPTCL	15/12/2025	
2	Nguyễn Hoàng Hà Vy	1992	GV THPT hạng III	V.07.05.15	3	3,00	01/01/2023	01/01/2023	4	3,33	01/01/2026	155/QĐ-THPTCL	15/12/2025	
3	Nguyễn Bá Phước	1990	GV THPT hạng III	V.07.05.15	4	3,33	01/02/2023	01/02/2023	5	3,66	01/02/2026	01/QĐ-THPTCL	05/01/2026	
4	Ngô Thị Năm	1981	GV THPT hạng II	V.07.05.14	3	4,68	01/03/2023	01/03/2023	4	5,02	01/03/2026	38/QĐ-THPTCL	09/02/2026	
5	Hoàng Thuý	1981	GV THPT	V.07.05.15	6	3,99	01/09/2021	01/09/2021	7	4,32	01/03/2026	37/QĐ-THPTCL	09/02/2026	Kéo dài 1 năm 6 tháng

	Quỳnh		hạng III											do nghỉ không hưởng lương từ T9/2022-2/2024
6	Nguyễn Thị Xuân Hiền	1984	GV THPT hạng III	V.07.05.15	6	3,99	01/03/2023	01/03/2023	7	4,32	01/03/2026	36/QĐ-THPTCL	09/02/2026	
7	Trương Thị Bích Vân	1993	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	1	2,1	06/03/2023	06/03/2023	2	2,41	01/03/2026	35/QĐ-THPTCL	09/02/2026	
8	Ngô văn Hòa	1974	Nhân viên bảo vệ	01.005	5	2,22	01/12/2024	01/03/2024	6	2,4	01/03/2026	42/PLHĐLĐ - THPTCL	09/02/2026	
9	Ngô Trường Lang	1966	Nhân viên bảo vệ	01.005	4	2,04	01/12/2024	01/02/2024	5	2,22	01/02/2026	03/PLHĐLĐ - THPTCL	05/01/2026	

Danh sách trên có 09 trường hợp.

III. Danh sách được hưởng, nâng PC TNNG

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trước khi nâng			Sau khi nâng/cho hưởng			Số, ký hiệu Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Ghi chú
			% PC TNNG	Thời điểm hưởng	Thời gian được tính để xét nâng lần sau	% PC TNNG	Thời điểm hưởng	Thời gian được tính để xét nâng lần sau			
1	Phạm Ngọc Thành	1982	17%	01/01/2025	01/01/2025	18%	01/01/2026	01/01/2026	157/QĐ-THPTCL	15/12/2025	
2	Nguyễn Thị Xuân Hiền	1984	16%	01/03/2025	01/03/2025	17%	01/03/2026	01/03/2026	41/QĐ-THPTCL	09/02/2026	

3	Nguyễn Bá Phước	1990	11%	01/02/2025	01/02/2025	12%	01/02/2026	01/02/2026	02/QĐ-THPTCL	05/01/2026	
4	Trương Thị Thúy Hồng	1988	10%	01/03/2025	01/03/2025	11%	01/03/2026	01/03/2026	40/QĐ-THPTCL	09/02/2026	
5	Nguyễn Thị Luyến	1992	8%	01/01/2025	01/01/2025	9%	01/01/2026	01/01/2026	158/QĐ-THPTCL	15/12/2025	
6	Phan Thị Xuân Trang	1990	8%	03/01/2025	03/01/2025	9%	03/01/2026	03/01/2026	159/QĐ-THPTCL	15/12/2025	
7	Hoàng Thuý Quỳnh	1981	17%	01/03/2025	01/03/2025	18%	01/03/2026	01/03/2026	39/QĐ-THPTCL	09/02/2026	

Danh sách trên có 07 trường hợp.